

Văn Quan, ngày 24 tháng 4 năm 2024

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO ĐỒ ÁN  
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRUNG TÂM XÃ YÊN PHÚC,  
HUYỆN VĂN QUAN TỶ LỆ 1/500**

(Ban hành theo Quyết định số 1302 /QĐ-UBND ngày 24 / 4 /2024  
của UBND huyện Văn Quan)

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1:** Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Yên Phúc, huyện Văn Quan tỷ lệ 1/500 quy định việc sử dụng đất đai, xây dựng và sử dụng các công trình trong đô thị theo đúng án Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Yên Phúc, huyện Văn Quan tỷ lệ 1/500 đã được UBND huyện Văn Quan phê duyệt tại Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2024 của UBND huyện Văn Quan.

Hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Yên Phúc, huyện Văn Quan tỷ lệ 1/500 và quy định quản lý xây dựng là căn cứ để UBND huyện thu hút lập dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch và pháp luật.

**Điều 2:** Ngoài những quy định, việc quản lý xây dựng đô thị phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành khác của nhà nước có liên quan.

**Điều 3:** Các cá nhân và các tổ chức cơ quan trung ương, địa phương trong nước và nước ngoài, kể cả lực lượng vũ trang có liên quan đến điều 1 đều phải thực hiện theo đúng quy định này.

**Điều 4:** Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**CHƯƠNG II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 5: Vị trí địa lý**

1. *Vị trí khu đất:* Khu vực lập quy hoạch nằm phía Tây Bắc xã Yên Phúc, huyện Văn Quan thuộc thôn Chợ Bãi 1, Chợ Bãi 2 xã Yên Phúc, huyện Văn Quan. Ranh giới xác định như sau:

2. *Ranh giới nghiên cứu:*

- Phía Bắc: Giáp khu dân cư hiện trạng xã Bình Phúc và rừng sản xuất;
- Phía Nam: Giáp khu đất canh tác nông nghiệp và núi tự nhiên;

- Phía Đông: Giáp núi tự nhiên;
- Phía Tây: Khu dân cư thôn Chợ Bãi 1 và đất canh tác nông nghiệp.

**Điều 6:** Quản lý Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Yên Phúc, huyện Văn Quan tỷ lệ 1/500 (kèm theo các bản vẽ quy hoạch chi tiết)

### **1. Khu vực công trình công cộng**

**1.1. Trụ sở cơ quan (gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các ban ngành đoàn thể).**

- Trụ sở UBND mở rộng tại vị trí hiện trạng lấy hết phần đất của nhà văn hóa và trạm y tế hiện trạng, diện tích sau khi mở rộng khoảng 3.122,49m<sup>2</sup>;

- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với công trình công sở cấp xã;

- + Chiều cao từ 1-3 tầng.

- + Diện tích đất xây dựng: không nhỏ hơn 1.000 m<sup>2</sup>.

### **1.2. Các công trình giáo dục**

#### *a) Trường mầm non*

- Quy hoạch mới cạnh trường trung học cơ sở, diện tích khoảng 2.652,89m<sup>2</sup>. Xây dựng khối nhà học, nhà hiệu bộ, khuôn viên sân chơi và mua trang thiết bị phục vụ học tập...

- Chú trọng: Đầu tư cơ sở vật chất cho trường mầm non đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường.

- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, đảm bảo mỹ quan phù hợp với xung quanh

- + Chiều cao từ 1-3 tầng

- + Diện tích xây dựng  $\leq 40\%$

- + Diện tích cây xanh  $\leq 40\%$

#### *b) Trường tiểu học*

- Mở rộng trường tiểu học tại vị trí hiện trạng, lấy phần đất của trường mầm non, diện tích sau khi mở rộng khoảng 4.938,59m<sup>2</sup>. Đầu tư trang thiết bị trường học, mở rộng khuôn viên học tập ngoài trời, cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn ngành, phân đầu đạt trường chuẩn Quốc gia. Mua sắm các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và các thiết bị nội thất, vệ sinh, chiếu sáng;

- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, đảm bảo mỹ quan phù hợp với xung quanh.

- + Chiều cao 1-3 tầng

- + Mật độ xây dựng  $\leq 40\%$
- + Diện tích cây xanh  $\geq 30\%$

### c) Trung học cơ sở

- Nâng cấp các công trình đã cũ trong trường, diện tích khoảng 5.948,46m<sup>2</sup>. Đầu tư trang thiết bị trường học, mở rộng khuôn viên học tập ngoài trời, cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn ngành, đạt trường chuẩn Quốc gia. Mua sắm các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và các thiết bị nội thất, vệ sinh, chiếu sáng;

- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, đảm bảo mỹ quan phù hợp với xung quanh.

- + Chiều cao 1-3 tầng
- + Mật độ xây dựng  $\leq 40\%$
- + Diện tích cây xanh  $\geq 30\%$

### 1.3. Trạm Y tế

- Quy hoạch mới bên cạnh trường tiểu học, diện tích khoảng 850,43m<sup>2</sup>. Mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị chỉnh trang khuôn viên, vườn thuốc đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. Bổ sung các trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh.

- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, mang đặc trưng ngành y tế

- + Chiều cao từ 1-3 tầng
- + Mật độ xây dựng  $\leq 40\%$
- + Diện tích cây xanh  $\geq 45\%$

### 1.4. Chợ

- Chợ xây dựng mới bên cạnh trụ sở Ủy ban nhân dân xã, diện tích 8.523,20m<sup>2</sup>. Xây dựng các kiot bán hàng, bố trí khuôn viên cây xanh, khu bán hàng ngoài trời, bãi đỗ xe...

- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với đặc trưng ngành;

- + Chiều cao 1 tầng;
- + Mật độ xây dựng  $\leq 70\%$ .

### 1.5. Bưu điện

- Giữ nguyên vị trí và diện tích hiện tại cải tạo chỉnh trang khuôn viên, đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất theo ngành;

- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với đặc trưng ngành;

- + Chiều cao từ 1-2 tầng.
- + Mật độ xây dựng  $\leq 85\%$

### **1.6. Trụ sở Công an xã**

- Trụ sở Công an xã Yên Phúc được quy hoạch nằm trong khu dân cư phía Nam dự án, diện tích khoảng 1.062,85m<sup>2</sup>;
- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với đặc trưng ngành;
- + Chiều cao từ 1-3 tầng;
- + Mật độ xây dựng  $\leq 40\%$ .

### **1.7. Trụ sở Quân sự xã**

- Trụ sở Quân sự xã Yên Phúc được quy hoạch mới bên cạnh trụ sở Công an, diện tích khoảng 609,20m<sup>2</sup>;
- Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực miền núi, phù hợp với đặc trưng ngành;
- + Chiều cao từ 1-3 tầng;
- + Mật độ xây dựng  $\leq 40\%$ .

## **2. Khu vực công trình thương mại – dịch vụ**

- Mật độ xây dựng 70%. Tầng cao tối đa 3 tầng. Khoảng lùi 3m. Không xây ban công, được xây lô gia. Hệ thống đèn hắt, biển quảng cáo phải hài hòa ăn nhập với công trình. Biển quảng cáo, chỉ dẫn phải áp sát tường rào, cổng, không được nhô ra chiếm phần không gian vỉa hè, đường giao thông. Đảm bảo an toàn khi thiên tai, mưa bão và xâm thực của thời tiết, chiều cao  $\geq 4,5\text{m}$ ;
- Màu sắc công trình hiện đại, hài hòa với cảnh quan xung quanh, phù hợp xu thế kiến trúc đương đại;
- Sân vườn trồng cây xanh bóng mát, tạo các tiểu cảnh, đài nước tăng vẻ đẹp cảnh quan Khu trung tâm;
- Tường rào thưa thoáng có hình thức kiến trúc đẹp, nên trồng các hàng cây xanh bên cạnh; Hình thức cổng nên xây dựng thống nhất;

## **3. Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật**

### **3.1. Giao thông**

- Đường trục chính đô thị (đường đối ngoại):
- Mặt cắt (1-1) QL 279 có chỉ giới đường đỏ rộng 29m; trong đó lòng đường rộng 18,00 m; hè đường hai bên rộng 2x5,50m.

- Mặt cắt (3-3) ĐT 240 có chỉ giới đường đỏ rộng 20,5m; trong đó lòng đường rộng 10,50 m; hè đường hai bên rộng 2x5,00m.

- Đường nội bộ:

Mặt cắt (2-2) có chỉ giới đường đỏ rộng 26m; trong đó lòng đường rộng 14m; hè đường 2 bên rộng 2x 5m, giải phân cách 2m.

Mặt cắt (4-4) có chỉ giới đường đỏ rộng 14m; trong đó lòng đường rộng 8m; hè đường 2 bên rộng 2x 3m.

Mặt cắt (5-5) có chỉ giới đường đỏ rộng 13m; trong đó lòng đường rộng 7m; hè đường 2 bên rộng 2x 3m.

Mặt cắt (6-6) có chỉ giới đường đỏ rộng 6,50m; trong đó lòng đường rộng 3,50m; hè đường 2 bên rộng 2x 1,50m.

- Bãi đỗ xe công cộng:

Để đảm bảo phục vụ nhu cầu đỗ xe trong khu quy hoạch và cho khách vãng lai khu vực bố trí 02 bãi đỗ xe tập trung đảm bảo phục vụ cho toàn khu quy hoạch.

Bãi đỗ xe công trình: các công trình xây dựng phải đảm bảo diện tích đỗ xe bản thân theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định có liên quan của Bộ Xây dựng, đồng thời bổ sung tăng thêm diện tích phục vụ nhu cầu vãng lai của khu vực tùy theo chức năng dự án, quy mô, cấp hạng, vị trí xây dựng công trình.

Đối với những công trình công cộng, khu vui chơi giải trí thiết kế riêng bãi đỗ xe trong khu vực công trình, thiết kế bãi đỗ xe công cộng nhỏ kết hợp với khu cây xanh, vườn hoa trong các khu ở.

### **3.2. Quy hoạch san nền**

- Khu vực hiện trạng giữ nguyên, san nền khu vực quy hoạch mới.

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền không chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu, lèn và tạo độ dốc taluy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Kè đá toàn bộ khu vực suối hiện trạng chảy qua dự án để đảm bảo độ ổn định tránh sạt lở.

- Sau khi hoàn thiện mặt nền đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cốt san nền thiết kế được lấy theo cốt thiết kế các tuyến theo quy hoạch, các tuyến đường bê tông hiện trạng vượt nổi và cốt cao độ của các khu vực dân cư hiện hữu.

- Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức đỏ, chênh cao 2 đường đồng mức liền kề 0,1m; hướng dốc san nền từ phía trong các lô đất ra các tuyến đường xung quanh; độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Cao độ san nền cao nhất: 290,78m; cao độ san nền thấp nhất: 265,79m.

- San đắp nền theo tiêu chuẩn TCVN 4447-2012: Công tác đất, thi công và nghiệm thu, san đắp nền theo từng lớp dày 50cm, lu lèn chặt  $K=0,85$ .

- Khối lượng san nền:

Khối lượng đào nền: 78.872,61 m<sup>3</sup>.

Khối lượng đắp nền: 192.112,20 m<sup>3</sup>.

### 3.3. Quy hoạch cấp nước

- Hiện tại xã Yên Phúc đang sử dụng nguồn nước được cấp từ trạm bơm và xử lý đặt tại UBND xã, nguồn nước lấy từ hang Bó Nọc, xóm Nà Lặng, thôn Bắc, xã Yên Phúc.

- Bổ sung nguồn nước Xây mới trạm cấp nước tại hồ Suối Mơ. Công suất trạm 700 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Lắp đặt mạng lưới cấp nước, căn cứ vào các tiêu chuẩn dùng nước xác định được đường kính ống D110, đường ống được dùng là ống nhựa HDPE PN10. Các tuyến ống cấp nước phân phối HDPE- D110 được lắp đặt phía trước nhà trên vỉa hè. Lắp đặt van xả khí, xả cặn trên mạng lưới để đảm bảo chân không cho đường ống và xả cặn mỗi khi sục rửa đường ống.

- Mạng lưới đường ống được tổ chức theo sơ đồ vòng kết hợp nhánh cụt xương cá. Nước sinh hoạt được cấp vào bể ngầm của hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D75-D50.

- Đường ống đặt dưới vỉa hè sâu khoảng 0.5m, qua đường khoảng 0.7m Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước  $Q = 681,67$  (m<sup>3</sup>/ngđ).

### 3.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Khu vực quy hoạch được thiết kế hệ thống thoát nước mưa và nước thải độc lập. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

- Kè đá toàn bộ khu vực suối hiện trạng chảy qua dự án để đảm bảo độ ổn định tránh sạt lở.

- Hướng thoát nước: Thoát về suối và hệ thống mương hiện trạng phía Bắc dự án.

- Nước mưa trong các lô đất và trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác sau đó chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30 (m).

- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ .

- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận. Cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính D600 – D200 và các tuyến cống hộp bê tông cốt thép có khẩu độ BxH=2x(2x2,5)m, BxH=4x3m, rãnh B600.

### 3.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt được thoát vào hệ thống bể xử lý ở các công trình công cộng sau đó được đổ vào các tuyến ống thoát nước cống D200, D300 và được thu về các trạm xử lý nước thải công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Xử lý nước thải đạt cột A trước khi thải ra môi trường.

- Độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ .

- Hệ thống giếng thăm được bố trí cách nhau khoảng 30 (m).

- Tổng nhu cầu thoát nước thải  $Q = 446,52$  (m<sup>3</sup>/ngày).

### 3.6. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn cấp: Phương án cấp điện: Khu vực được cấp điện từ nguồn điện hiện trạng. Trong khu vực dự án sẽ bố trí các trạm biến áp tại các khu vực cây xanh để cấp điện cho các phụ tải tiêu thụ điện.

- Tổng nhu cầu cấp điện của dự án là: 1.903,22kW

\* *Lưới điện trung thế 35-22kV:*

- Thiết kế hạ ngầm đối với các tuyến điện mới,

- Hạ ngầm và hoàn trả các tuyến hiện trạng đi cắt qua khu đất quy hoạch.

- Cấp ngầm sử dụng dự kiến có tiết diện từ 120÷240mm (cu/xlpe/pvc).

- Trạm biến áp sử dụng loại kios hoặc compact 22kV/0,4kV và đặt lên những khu vực đất cây xanh, công cộng hoặc bố trí quỹ đất đặt trạm biến áp;

- Cột điện: Sử dụng cột điện bê tông ly tâm, có ký hiệu LT-18C(D);

- Móng cột: Để đảm bảo độ chống lật và chống lún, móng cột dùng các loại móng bê tông có cốt thép đổ tại chỗ mác M200, bê tông chèn M200.

- Xà: Dùng bộ xà đỡ cho cột điểu đầu ký hiệu xà XNΦ-22, xà néo cho cột đúp ký hiệu xà XNCKΦ-22; sứ đứng PI-45, sứ đỡ Polymer 22kV và sứ chuỗi Polymer 22kV hãm và đỡ dây. Các loại xà được chế tạo bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN, chiều dày lớp mạ kẽm yêu cầu  $\geq 80\mu\text{m}$ .

- Cách điện: Sử dụng cách điện sứ đứng PI-45, sứ đỡ Polymer 22kV và sứ chuỗi Polymer 22kV với các phụ kiện kèm theo.

- Các phụ kiện sứ chuỗi đều bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Các phụ kiện của đường dây đều dùng loại trong nước chế tạo, được lựa chọn phù hợp với cỡ dây và loại cách điện. Đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật khi vận hành.

- Tiếp địa: dùng loại tiếp địa T4C-1,5 gồm có 4 cọc sắt L63x63x6 mỗi cọc dài 1,5 m nối với nhau bằng sắt tròn CTΦ14 chôn sâu cách mặt đất  $0,8 \div 1,0$  m để đảm bảo điện trở nối đất  $\leq 10\Omega$ .

- Cách điện đứng PI-45kV và cách điện đỡ Polymer 22kV có các thông số kỹ thuật sau: Tiêu chuẩn áp dụng: IEC720-1981, TCVN 4759-4171993; chiều cao  $326 \pm 5$ ; đường kính sứ F180 $\pm 4$ ; thử nghiệm:  $U_k = 110kV$ ; thử nghiệm ướt  $U_u = 85kV$ ;  $U_x = 190kV$ ; chiều dài đường rò:  $L_b = 860mm$ ; lực giới hạn  $PU = 13KN$ ;  $U_{xt} > 200KN$ ; vật liệu: bằng sứ và Polymer; cách điện chuỗi Polymer -35kV (tiêu chuẩn IEC 60-1) có các thông số; chiều dài chuỗi: 546mm (k/c giữa 2 tâm lỗ); chiều dài đường rò: 858mm; độ bền điện áp tần số công nghiệp; trạng thái khô 145kV/1min; trạng thái ướt 130kV/1min; thử xung điện áp  $1,2 \times 50\mu s$ ; xung dương: 225kV; xung âm: 275kV.

*\* Lưới điện hạ thế:*

- Trên cơ sở trạm biến áp đó thiết kế xây dựng đường dây 0,4kV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện. Toàn bộ đường dây hạ thế đi ngầm.

- Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220kV ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm tiết điện XLPE-185, XLPE-150, XLPE-120, XLPE-95, XLPE-70, XLPE-50 đi trong tuynel hoặc trong hào kỹ thuật.

- Bán kính lưới hạ thế không quá 300m trong khu quy hoạch, nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây.

*\* Lưới điện chiếu sáng:*

- Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu. Cột đèn chiếu sáng dùng cột bát giác cao từ  $7 \div 10$  m tùy theo mặt cắt ngang đường. Dây dẫn dung cấp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10.

- Hệ thống đường dây chiếu sáng, hạ thế được bố trí đi ngầm trên vỉa hè đảm bảo mỹ quan khu trung tâm.

- Đèn chiếu sáng dùng đèn bóng đèn led có ánh sáng màu vàng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương. Độ dọi:

- Đường chính:  $0,8 \div 1,0$  cd/m<sup>2</sup>.

- Đường khu vực:  $0,6 \div 0,8$  cd/m<sup>2</sup>.

- Để phù hợp với địa hình thực tế và để giảm kinh phí xây dựng, bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ  $30 \div 50$  m.

### **3.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc**

- Giải pháp thiết kế: Mạng thông tin liên lạc được bố trí đi ngầm trong hệ thống cống, bể cáp đi trên hè đường trong khu vực dự án được quy hoạch.



- Mạng công: Vật liệu sử dụng cho mạng công là ống nhựa u.PVC, HPDE. Hệ thống này được chạy trong các tuyến công kỹ thuật trên vỉa hè theo nguyên tắc trực chính.
- Thiết kế hệ thống tuyến công cáp thông tin liên lạc đi ngầm, đối với đường trực chính sử dụng ống u.PVC D110, đường nhánh sử dụng ống u.PVC D61 đi ngầm qua đường, phía sau các lô đất, phía trước vỉa hè của các lô đất.
- Bố trí vị trí đặt trạm BTS tại các khu vực cây xanh.
- Mạng bể cáp: Thiết kế hệ thống bể cáp ngầm 2 đơn, 1 đơn, các ganivo. Hệ thống bể cáp được xây bằng gạch có khung sắt trên có tấm đan bê tông.
- Toàn bộ hệ thống ống được chôn ngầm trong rãnh kỹ thuật (công cáp) ở độ sâu tối thiểu 0,7m khi đi qua đường và 0,5m khi đi qua vỉa hè.
- Tổng nhu cầu thông tin liên lạc của dự án là: 1.414 lines.

### **CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 7:** Quy định này có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2024 của UBND huyện Văn Quan.

**Điều 8:** Mọi vi phạm các điều khoản của quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy tố trước pháp luật hiện hành.

**Điều 9:** UBND huyện Văn Quan, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Văn Quan, các phòng, ban, ngành huyện Văn Quan và các tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về UBND huyện Văn Quan để xem xét giải quyết./.